

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO 1

THÔNG TƯ

Thông tư quy định việc thực hiện chương trình giáo dục trung học cơ sở và chương trình giáo dục thuộc chương trình để cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân theo hình thức giáo dục thường xuyên

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định việc thực hiện chương trình giáo dục trung học cơ sở và chương trình giáo dục thuộc chương trình để cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân theo hình thức giáo dục thường xuyên.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc thực hiện chương trình giáo dục trung học cơ sở và chương trình giáo dục thuộc chương trình để cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân trong các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục) theo hình thức giáo dục thường xuyên bao gồm: chương trình, giáo trình đào tạo; thời gian, địa điểm, phương pháp đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo; kế hoạch đào tạo; tuyển sinh đào tạo; tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học nghề, trung cấp, cao đẳng theo hình thức giáo dục thường xuyên.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hình thức giáo dục thường xuyên* bao gồm: Vừa làm vừa học; Học từ xa; Tự học, tự học có hướng dẫn và hình thức học khác theo nhu cầu của người học.

2. *Chương trình giáo dục trung học cơ sở* là chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục.

3. *Chương trình giáo dục thuộc chương trình để cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân* là chương trình giáo dục thường xuyên để cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân quy định tại khoản 12 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, bao gồm chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông cấp bằng trung học phổ thông, chương trình giáo dục thường xuyên cấp bằng trung học nghề, chương trình đào tạo thường xuyên để cấp bằng trung cấp, bằng cao đẳng.

4. *Đào tạo theo hình thức thường xuyên* là hình thức đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng được tổ chức linh hoạt về hình thức thực hiện chương trình đào tạo, thời gian, phương pháp, địa điểm, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học. Theo đó, người học tập trung học tập tại địa điểm đào tạo theo từng học kỳ, đợt học; hết học kỳ, đợt học người học tiếp tục làm công việc của mình tại nơi làm việc.

5. *Học kỳ* là phần của khóa học hoặc năm học, được chia theo nội dung chương trình đào tạo và ghi trong kế hoạch đào tạo của khóa học, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc; số lượng, tên môn học, mô đun trong học kỳ; địa điểm thực hiện từng môn học, mô đun để thực hiện chương trình đào tạo. Học kỳ có một hoặc một số đợt học phù hợp với đối tượng người học.

6. *Đợt học* là phần của học kỳ, được bố trí phù hợp với đối tượng người học, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc; số lượng, tên môn học, mô đun; địa điểm thực hiện.

7. *Giáo dục theo hình thức tự học, tự học có hướng dẫn* là hình thức giáo dục không tập trung liên tục, theo đó người theo hình thức này phải tự nghiên cứu học liệu, sách giáo khoa để thu nhận kiến thức và tự rèn luyện kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Về tổ chức hình thức tự học có hướng dẫn đối với Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. *Người lớn tuổi* là cán bộ, công chức, viên chức, vận động viên, người lao động, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự hoặc nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân đủ trên 18 tuổi có nhu cầu để nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên

1. Cơ sở giáo dục phải đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ giáo dục, đào tạo của mình đảm bảo đạt tỷ lệ trên 90% số lượng học sinh, sinh viên tốt nghiệp theo hình thức chính quy thì được thực hiện chương trình giáo dục cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học nghề, trung cấp, cao đẳng theo hình thức thường xuyên theo quy định quy định tại Thông tư này.

2. Cơ sở giáo dục được thực hiện chương trình giáo dục, đào tạo theo hình thức thường xuyên khi đang thực hiện các chương trình giáo dục, đào tạo theo hình

thức chính quy. Đồng thời, đảm bảo đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ giáo dục, đào tạo và đội ngũ nhà giáo để thực hiện giáo dục, đào tạo theo hình thức thường xuyên.

3. Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông, chương trình trung học nghề, trung cấp, cao đẳng theo hình thức thường xuyên trong cơ sở giáo dục chỉ được thực hiện đối tượng là người lớn tuổi có nhu cầu để nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích nghi với đời sống xã hội; góp phần xây dựng xã hội học tập. Riêng chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông chỉ được thực hiện cho đối tượng trong độ tuổi học phổ thông theo nhu cầu và kế hoạch của địa phương.

Chương II

QUY ĐỊNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYỀN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Mục 1

CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU; THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC; TIÊU CHUẨN NHÀ GIÁO VÀ KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Điều 4. Chương trình, tài liệu

1. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Cơ sở giáo dục sử dụng sách giáo khoa và tài liệu học tập chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định lựa chọn hoặc tài liệu đã được thẩm định.

3. Cơ sở giáo dục được bổ sung lựa chọn, sử dụng các tài liệu của các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng; các tổ chức giáo dục trong nước và quốc tế đã xuất bản theo quy định hoặc các tài liệu do trường xây dựng xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục và nhu cầu người học. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cơ quan quản lý giáo dục về nội dung chương trình, tài liệu dạy học đã lựa chọn; có trách nhiệm báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo tài liệu dạy học được lựa chọn, sử dụng tại đơn vị.

Điều 5. Thời gian khóa học và thời gian tổ chức giảng dạy

1. Thời gian học của mỗi năm học theo nên chế là 35 tuần/lớp. Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học là 45 phút.

2. Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở được thực hiện trong 4 năm học, bắt đầu từ lớp 6 đến hết lớp 9; Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông bắt đầu từ lớp 10 đến hết lớp 12.

3. Đối với người lớn tuổi, việc tổ chức thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở có thể rút ngắn trong 3 năm học, nhưng phải đảm bảo đủ thời lượng số tiết của các môn học trong chương trình. Người lớn tuổi, việc tổ chức thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông có thể rút ngắn trong 2 năm học, nhưng phải đảm bảo đủ thời lượng số tiết của các môn học trong chương trình.

Điều 6. Địa điểm thực hiện chương trình

1. Địa điểm tổ chức các lớp học tập trung, theo niên chế đặt tại trụ sở chính, phân hiệu của Nhà trường. Cơ sở giáo dục phải đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất và trang, thiết bị dạy học để thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; bố trí đủ các phòng học, phòng học bộ môn và các phòng chức năng, hạ tầng kỹ thuật khác.

2. Đối với lớp học cho người lớn tuổi, địa điểm học tập có thể tổ chức dễ thuận lợi về khoảng cách địa lý cho người học nhưng phải đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về điều kiện học tập của người lớn; đảm bảo yêu cầu về thiết bị dạy học và thiết bị an toàn về phòng cháy chữa cháy.

Điều 7. Phương pháp giáo dục

1. Thực hiện phương pháp dạy học tích cực hoá hoạt động của học viên trong các môn học và hoạt động giáo dục. Trong đó, giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động học tập cho học viên, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích học viên tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để phát triển.

2. Đối với lớp học cho người lớn tuổi, phương pháp giáo dục cần khai thác kinh nghiệm của người học, coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, sử dụng các phương tiện hiện đại và công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học thông qua một số hình thức chủ yếu sau: học lý thuyết, thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; thảo luận, tham quan, sinh hoạt tập thể.

Tuỳ theo mục tiêu, tính chất nội dung dạy học, giáo viên tổ chức cho học viên được làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi học viên được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

Điều 8. Tiêu chuẩn cán bộ quản lý, giáo viên

1. Ít nhất 01 cán bộ quản lý của nhà trường được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về giáo dục thường xuyên.

2. Định mức giáo viên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên trong các cơ sở giáo dục thực hiện theo quy định định mức giáo viên các trường phổ thông có cùng cấp học.

3. Số lượng và cơ cấu giáo viên (giáo viên cơ hữu, giáo viên hợp đồng toàn thời gian sau khi nghỉ hưu, giáo viên hợp đồng thỉnh giảng nếu có) bảo đảm để dạy các môn học, hoạt động giáo dục của chương trình phổ thông tối thiểu mỗi môn học có ít nhất 01 giáo viên cơ hữu đối với các môn học bắt buộc, môn học lựa chọn và

các môn học tự chọn (nếu có). Riêng môn Toán, môn Ngữ văn và Lịch sử có ít nhất từ 2 giáo viên cơ hữu.

4. Có 100% giáo viên có trình độ được đào tạo đạt chuẩn tương ứng với cấp học theo quy định tại Luật Giáo dục hiện hành.

5. Có 100% giáo viên được bồi dưỡng, tập huấn về dạy học theo chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông.

6. Căn cứ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về định mức giáo viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông và số lượng người học chương trình giáo dục thường xuyên tại cơ sở giáo dục để bố trí đủ số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và hoạt động giáo dục của chương trình học.

Điều 9. Kế hoạch giáo dục

1. Căn cứ chương trình giáo dục được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch giáo dục Nhà trường để triển khai thực hiện. Kế hoạch giáo dục của Nhà trường bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên linh hoạt, chủ động, hiệu quả, phù hợp với hoàn cảnh thực tế của người học, điều kiện thực hiện của mỗi đơn vị.

2. Kế hoạch giáo dục của Nhà trường bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học; kế hoạch thời gian năm học của địa phương và các chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nơi nhà trường đặt trụ sở. Kế hoạch giáo dục của nhà trường hằng năm được cơ sở giáo dục phê duyệt và báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo trước khai giảng năm học hằng năm.

3. Hằng năm, trên cơ sở kế hoạch thời gian năm học do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục của các cấp có thẩm quyền, Hiệu trưởng nhà trường tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường và đảm bảo các nội dung, mẫu biểu theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Đối với các lớp học được rút ngắn thời gian, thực hiện theo kế hoạch giáo dục của Nhà trường phải báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn để thực hiện trong 3 năm học (đối với cấp trung học cơ sở) và 2 năm học đối với (cấp trung học phổ thông); thời hạn hoàn thành lớp học cuối cấp cùng với thời điểm điểm hoàn thành các lớp học cuối cấp của chương trình giáo dục phổ thông để kịp thời chuẩn bị cho ôn tập, hoàn thành chương trình, thi tốt nghiệp.

4. Đối với các hoạt động giáo dục củng cố, tăng cường, hoạt động theo nhu cầu người học được tổ chức theo hình thức trải nghiệm, tham quan, hoạt động xã hội, tìm hiểu văn hóa địa phương, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng kế hoạch thời gian thực hiện phù hợp với kế hoạch thời gian thực hiện chương trình các môn học, hoạt động giáo dục và điều kiện cụ thể của nhà trường; tạo môi trường cho học sinh được trải nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học, phát huy năng lực đã đạt được trong chương trình các môn học, hoạt động giáo dục vào thực tiễn.

5. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được ban hành và báo cáo cấp có thẩm quyền trước ngày 31 tháng 8 hằng năm.

Mục 2**TUYỂN SINH; TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC; KIỂM TRA, THI, XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ BẰNG TỐT NGHIỆP****Điều 10. Điều kiện tuyển sinh và yêu cầu tối thiểu để thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên**

1. Cơ sở giáo dục được tuyển sinh, thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông đảm bảo nguyên tắc theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này và thực hiện báo cáo tự đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ và phương án tổ chức, khả năng hoàn thành chỉ tiêu tuyển sinh sau khi được cấp có thẩm quyền giao.

2. Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo nếu sau khi được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ giáo dục, đào tạo của mình.

Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm đảm bảo việc đánh giá và giao đúng chỉ tiêu tuyển sinh để các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

3. Đã công bố công khai thông báo tuyển sinh chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông, trong đó nêu rõ phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh, địa điểm tổ chức tuyển sinh chậm nhất 3 tháng trước ngày tuyển sinh.

4. Đã xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp, kết hợp với việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo chính quy.

5. Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo yêu cầu thực hiện đồng thời các chương trình đào tạo chính quy và các chương trình giáo dục thường xuyên theo quy định tại Thông tư này.

Điều 11. Tuyển sinh

1. Đối tượng tuyển sinh vào học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở là người đã hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học hoặc chương trình xóa mù chữ. Đối tượng tuyển sinh vào học chương trình giáo dục thường xuyên để cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông là người đã hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở.

2. Đối tượng người học đã có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông nếu có nguyện vọng vào học tại trường, phân hiệu (không thực hiện kiểm tra, đánh giá lại) để tăng cường kiến thức tham gia kỳ thi lấy bằng tốt nghiệp trung học phổ thông thì người đứng đầu cơ sở giáo dục căn cứ khả năng đáp ứng, sắp xếp lớp học, quyết định để học viên được học tập để ôn tập lại kiến thức.

Đối với việc tuyển sinh vào các lớp không phải lớp đầu cấp, nếu người học có học bạ thể hiện kết quả học tập đạt yêu cầu và được lên lớp thì Nhà trường sắp xếp cho học lớp tiếp theo.

3. Hằng năm, cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch tuyển sinh căn cứ vào nhu cầu học tập của người dân, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quy

mô hoạt động và khả năng đáp ứng của nhà trường; thông báo công khai các thông tin về khóa học gồm chương trình, tài liệu dạy học, mục tiêu đầu ra, điều kiện học tập, giáo viên, phương thức kiểm tra, đánh giá, xác nhận kết quả học tập, thời gian khai giảng, học phí, các thông tin cần thiết khác và thông báo công khai trước thời điểm khai giảng khoá học.

Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm về các thông tin tuyển sinh các khóa học, đảm bảo thông tin trung thực, chính xác, đảm bảo quyền lợi của người học.

Điều 12. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục

1. Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông được tổ chức theo niên chế năm học với hình thức linh hoạt theo các hình thức học tập để phù hợp đặc điểm, nguyện vọng của người học và điều kiện dạy học của các địa phương. Người đứng đầu cơ sở giáo dục quyết định phương thức tổ chức dạy học trực tuyến hoặc kết hợp giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với hình thức tự học có hướng dẫn Bộ Giáo dục và Đào tạo có quy định riêng.

2. Việc lựa chọn và tổ chức dạy học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông do nhà trường quyết định trên cơ sở đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định của chương trình.

3. Người học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông theo hình thức tập trung, được tổ chức theo lớp học. Mỗi lớp học có giáo viên chủ nhiệm, lớp trưởng, các lớp phó và các học viên. Lớp trưởng và lớp phó do học viên trong lớp bầu chọn vào đầu mỗi năm học hoặc sau mỗi học kỳ. Học viên được chủ động thảo luận, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ và của lớp học với sự hỗ trợ của giáo viên. Sĩ số học viên mỗi lớp học ở các cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông không quá 45 học viên.

Điều 13. Kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp

1. Học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông được kiểm tra, đánh giá theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Học viên học hết chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được người đứng đầu cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục trung học cơ sở xác nhận học bạ việc hoàn thành chương trình trung học cơ sở.

3. Học viên học hết chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông, đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi, nếu đạt yêu cầu thì được người đứng đầu cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục trung học phổ thông cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; trường hợp không dự thi hoặc thi không đạt yêu cầu thì được người đứng đầu cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông.

4. Cơ sở giáo dục thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục học sinh và công nhận kết quả học tập được thực hiện thông qua hình thức học trực tuyến, học tập số phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục, bảo đảm giá trị pháp lý của hồ sơ điện tử, học bạ số trong giai đoạn chuyển tiếp; bảo đảm yêu cầu đánh giá vì sự phát triển học viên, thúc đẩy các phương pháp và hình thức dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học viên, giảm áp lực và thủ tục hành chính trong đánh giá.

Điều 14. Hệ thống sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục

1. Đối với nhà trường

Hồ sơ chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông, gồm: Sổ đăng bộ; Kế hoạch giáo dục của nhà trường (theo năm học); Sổ theo dõi và đánh giá học viên (bao gồm cả Hồ sơ giáo dục đối với học viên khuyết tật); Sổ ghi đầu bài; Học bạ học viên; Sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ.

2. Đối với các tổ chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Kế hoạch giáo dục của chuyên môn (theo năm học);
- b) Sổ ghi chép nội dung sinh hoạt chuyên môn.

3. Đối với giáo viên:

- a) Kế hoạch giáo dục của giáo viên (theo năm học);
- b) Kế hoạch bài dạy (giáo án);
- c) Sổ theo dõi, đánh giá học viên;
- d) Sổ chủ nhiệm (đối với giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp).

4. Hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này dưới dạng hồ sơ điện tử được sử dụng thay cho các loại hồ sơ giấy theo lộ trình phù hợp với điều kiện của Nhà trường, khả năng thực hiện của giáo viên và bảo đảm tính hợp pháp của các loại hồ sơ điện tử. Việc quản lý hồ sơ điện tử do Sở Giáo dục và Đào tạo quy định theo chuẩn kết nối, chuẩn dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Việc bảo quản hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục của nhà trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUY ĐỊNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CẤP BẰNG TRUNG HỌC NGHỀ, BẰNG TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG THEO HÌNH THỨC THƯỜNG XUYẾN

Mục 1

CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG PHÁP ĐÀO TẠO; TIÊU CHUẨN NHÀ GIÁO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Điều 15. Điều kiện tuyển sinh và yêu cầu tối thiểu để thực hiện chương trình đào tạo

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo) được tuyển sinh, thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, trung học nghề theo hình thức giáo dục thường xuyên đối với những ngành, nghề đã được cấp phép hoạt động giáo dục theo hình thức giáo dục chính quy trình độ cao đẳng, trung cấp, trung học nghề.

2. Cơ sở đào tạo đã thực hiện đăng ký thông tin về chương trình đào tạo vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp trước khi tuyển sinh, tổ chức đào tạo.

3. Đã công bố công khai thông báo tuyển sinh hình thức thường xuyên trong đó nêu rõ phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh, địa điểm tổ chức tuyển sinh chậm nhất 3 tháng trước ngày tuyển sinh.

4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp với việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo hình thức thường xuyên.

5. Có đội ngũ giáo viên, giảng viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo yêu cầu thực hiện đồng thời các chương trình đào tạo chính quy và các chương trình đào tạo thường xuyên.

6. Đã ban hành Quy chế tuyển sinh theo hình thức thường xuyên, Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, trung học nghề theo hình thức thường xuyên của cơ sở giáo dục.

Quy chế tuyển sinh theo hình thức thường xuyên của cơ sở đào tạo phải thể hiện đầy đủ các nội dung tương ứng với phương thức tuyển sinh theo hình thức chính quy. Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo hình thức thường xuyên của cơ sở mình được xây dựng trên cơ sở quy chế đào tạo cao đẳng, trung cấp hệ chính quy hiện hành của cơ sở đào tạo và các quy định tại Quy chế này.

Điều 16. Chương trình, giáo trình đào tạo

1. Chương trình, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, trung học nghề theo hình thức thường xuyên được cơ sở đào tạo căn cứ chương trình đào tạo của từng ngành nghề theo hình thức chính quy và năng lực chuyên môn, kiến thức đã tích lũy người học để biên soạn, thẩm định, lựa chọn và ban hành, bảo đảm đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo của từng ngành nghề theo từng trình độ.

Đối với những môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp có thể được điều chỉnh cho phù hợp với đối tượng người học và do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định.

2. Chương trình, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, trung học nghề theo hình thức thường xuyên do người đứng đầu cơ sở đào tạo tự chủ, tự chịu trách nhiệm xây dựng hoặc lựa chọn, phê duyệt. Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, trung học nghề thực hiện như hình thức giáo dục chính quy theo quy định của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo.

3. Cơ sở đào tạo phải công khai các chương trình đào tạo theo hình thức thường xuyên tại cơ sở giáo dục của mình, trong thông báo tuyển sinh hoặc trên website hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi tuyển sinh. Nội dung công khai, gồm: tên chương trình đào tạo, đối tượng tuyển sinh, thời gian

tuyển sinh, mục tiêu và nội dung đào tạo, thời gian đào tạo, địa điểm đào tạo, chúng chỉ đào tạo, mức học phí phải nộp, các chính sách hỗ trợ (nếu có).

Điều 17. Thời gian khóa học và thời gian tổ chức đào tạo

1. Thời gian khóa học

a) Trường hợp tổ chức đào tạo theo niên chế thì tổng thời gian khóa đào tạo (từ khi khai giảng đến khi bế giảng) tối đa không quá 2 lần so với thời gian khóa đào tạo chính quy cùng ngành, nghề, trình độ đào tạo.

b) Trường hợp tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ thì thời gian khóa học là thời gian người học tích lũy đủ số lượng mô đun hoặc tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo cùng ngành, nghề, trình độ đào tạo chính quy tương ứng.

2. Thời gian tổ chức đào tạo đối với toàn bộ khóa học và từng kỳ học do người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học quy định cụ thể, bảo đảm các yêu cầu theo quy đối với đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, trung học nghề theo hình thức chính quy.

Điều 18. Địa điểm đào tạo

1. Địa điểm đào tạo thực hiện tại trụ sở chính, phân hiệu hoặc địa điểm khác theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Luật Giáo dục nghề nghiệp đã được cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Riêng địa điểm học thực hành ngoài việc thực hiện tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học còn được thực hiện tại doanh nghiệp, nơi làm việc của người học, nhưng phải đảm bảo các điều kiện về mặt bằng, phương tiện, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu đào tạo theo yêu cầu của môn học, mô đun trong chương trình đào tạo; sự an toàn của người dạy, người học và do người đứng đầu cơ sở giáo dục quy định trong kế hoạch đào tạo.

2. Địa điểm đào tạo tại các đơn vị liên kết phối hợp hoặc đặt lớp là trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên nhằm tạo thuận lợi về khoảng cách địa lý cho người đang lao động trên địa bàn, đồng thời để khai thác, phối hợp và huy động các nguồn lực xã hội góp phần đào tạo nhân lực tại các địa phương. Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo không tham gia giảng dạy, chỉ phối hợp quản lý và đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị để thực hiện liên kết đào tạo.

3. Khuyến khích cơ sở đào tạo phối hợp với doanh nghiệp để tổ chức cho người học học lý thuyết tại cơ sở đào tạo và học thực hành hoặc học tích hợp giữa lý thuyết với thực hành tại doanh nghiệp, nhưng phải đảm bảo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 19. Phương pháp đào tạo

1. Phương pháp đào tạo thường xuyên sử dụng các phương pháp đào tạo tích cực, lấy người học làm trung tâm; kết hợp giữa dạy lý thuyết với thực hành, bổ sung những kiến thức, kỹ năng mà người học còn thiếu, gắn đào tạo với thực tế sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm phát huy vai trò chủ động, năng lực tự học và kinh nghiệm của người học. Dạy tích hợp giữa lý thuyết với thực hành, lấy thực hành là chính; đồng thời phải gắn với thực tế sản xuất, kinh doanh (vừa làm, vừa học); phát huy vai trò chủ động, năng lực tự học và kinh nghiệm của người học; sử dụng

phương tiện hiện đại và công nghệ thông tin truyền thông để nâng cao chất lượng hiệu quả dạy và học.

2. Phương thức tổ chức đào tạo do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định theo từng chương trình đào tạo, từng nội dung của mô đun, môn học, bao gồm: trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp với trực tuyến.

Việc đào tạo theo hình thức trực tuyến (qua mạng) phải đảm bảo về hạ tầng cơ sở vật chất, công nghệ thông tin và học liệu số. Cơ sở đào tạo phải đáp ứng đủ các chuẩn kỹ thuật, gồm:

a) Hạ tầng công nghệ thông tin phải có hệ thống phần cứng, phần mềm, đường truyền internet băng thông rộng đảm bảo hoạt động liên tục.

b) Hệ thống quản lý học tập (LMS) phải có hệ thống lưu trữ, quản lý bài giảng, tài liệu, và theo dõi tiến độ học tập của học viên.

c) Học liệu số đảm bảo có hệ thống bài giảng điện tử, video, tài liệu số phong phú và có khả năng tương tác.

d) An ninh thông tin: Hạ tầng phải đảm bảo tính bảo mật, an toàn dữ liệu người học và nhà trường.

3. Người đứng đầu cơ sở đào tạo tổ chức xây dựng và ban hành quy chế tổ chức đào tạo trực tuyến nhằm tổ chức, quản lý đào tạo trực tuyến có chất lượng và hiệu quả, trong đó có các quy định về:

a) Nội dung đào tạo trực tuyến; phương thức tổ chức dạy, học, thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

b) Quản lý, vận hành, khai thác sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin trong đào tạo trực tuyến.

c) Năng lực chuyên môn, kỹ năng giảng dạy và kỹ năng công nghệ thông tin cho đội ngũ nhân lực triển khai đào tạo trực tuyến.

d) Sở hữu trí tuệ của học liệu, sở hữu dữ liệu, bảo vệ dữ liệu và thông tin cá nhân, xác thực danh tính, mã hóa dữ liệu và quản lý quyền truy cập.

đ) Công nhận tín chỉ trên hệ thống đào tạo trực tuyến của cơ sở đào tạo và các hệ thống đào tạo trực tuyến khác.

e) Tiếp nhận, phản hồi ý kiến của người học, người dạy và đánh giá sự hài lòng của người dùng trong quá trình đào tạo trực tuyến.

g) Quy trình lưu trữ hồ sơ, giám sát, kiểm tra đảm bảo chất lượng đào tạo trực tuyến; quy trình cải thiện nâng cao chất lượng đào tạo trực tuyến.

h) Các quy định có liên quan khác.

Điều 20. Tiêu chuẩn nhà giáo

1. Nhà giáo giảng dạy các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, trung học nghề theo hình thức thường xuyên phải đảm bảo các tiêu chuẩn nhà giáo tương ứng với mỗi trình độ đào tạo theo quy định của hình thức chính quy.

2. Khuyến khích các cơ sở đào tạo thu hút người có tay nghề cao tham gia giảng dạy thực hành, kiểm tra, đánh giá việc học tập của người học.

Điều 21. Kế hoạch đào tạo

1. Trước khi bắt đầu một khóa đào tạo, cơ sở đào tạo phải công bố công khai kế hoạch lộ trình đào các chương trình đào tạo theo từng trình độ của khóa học. Kế hoạch đào tạo cho từng khóa học phải thể hiện ít nhất các nội dung sau: số lượng học kỳ thời điểm bắt đầu và kết thúc của mỗi học kỳ, năm học, khóa học và thời gian nghỉ hè, xét đối với lớp học trong cùng một đợt tuyển sinh; chương trình của từng môn học, mô đun; địa điểm thực hiện; giáo viên, giảng viên (sau đây gọi chung là giáo viên) giảng dạy lý thuyết, thực hành từng môn học, mô đun cho từng lớp học cụ thể.

2. Kế hoạch đào tạo đối với từng lớp học, gồm kế hoạch đào tạo toàn khóa học, kế hoạch đào tạo của từng năm học, kế hoạch đào tạo của từng học kỳ cụ thể như sau:

a) Kế hoạch đào tạo toàn khóa học, gồm kế hoạch đào tạo của từng năm học, từ năm thứ nhất đến năm kết thúc khóa học hoặc gồm kế hoạch đào tạo của từng học kỳ, từ học kỳ thứ nhất đến học kỳ cuối cùng của khóa học.

Kế hoạch đào tạo toàn khóa học phải thể hiện ít nhất những nội dung sau: số lượng năm học, học kỳ, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc khóa học.

b) Kế hoạch đào tạo của từng năm học, gồm kế hoạch đào tạo của từng học kỳ trong năm học đó, từ học kỳ đầu năm đến học kỳ cuối cùng của năm học.

Kế hoạch đào tạo của từng năm học phải thể hiện ít nhất những nội dung sau: số lượng học kỳ; thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc năm học; thời gian nghỉ hè, nghỉ lễ, nghỉ tết trong năm học.

c) Kế hoạch đào tạo đối với từng học kỳ phải thể hiện ít nhất những nội dung sau: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc của học kỳ; chương trình học tập/giảng dạy của từng môn học, mô đun; địa điểm, thời gian thực hiện; nhà giáo dạy lý thuyết hoặc thực hành hoặc tích hợp từng môn học, mô đun trong học kỳ đó và các đợt học (nếu trong học kỳ có từ 2 đợt học trở lên).

Mục 2

TUYỂN SINH; TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO; KIỂM TRA, THI, XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 22. Tuyển sinh đào tạo

1. Tuyển sinh đào tạo trung học nghề, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo hình thức thường xuyên được thực hiện theo quy chế tuyển sinh trung học nghề, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thời gian tuyển sinh được thực hiện một hoặc nhiều lần trong năm.

2. Đối tượng tuyển sinh

a) Đối với trình độ trung cấp, trung học nghề: Học sinh đã hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở và tương đương trở lên;

b) Đối với trình độ cao đẳng: Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học nghề hoặc tương đương trở lên;

c) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội; quân nhân, công an nhân dân tại ngũ; người nước ngoài, nếu có đủ điều kiện sau đây được đăng ký dự tuyển học trình độ trung cấp, cao đẳng:

Bảo đảm các điều kiện được quy định tại Điểm a và b Khoản 2 điều này;

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (nếu dùng ngân sách nhà nước đi học) đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được dự tuyển khi đã được thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đồng ý;

Quân nhân và công an nhân dân tại ngũ được dự tuyển vào những trường do Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an quy định sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đồng ý; quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau;

Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học trung cấp, cao đẳng tại Việt Nam: Hiệu trưởng trường căn cứ kết quả học tập ở trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học nghề hoặc tương đương trở lên của thí sinh (bảng điểm, văn bằng, chứng chỉ minh chứng) và kết quả kiểm tra kiến thức, tiếng Việt (nếu cần) theo quy định của trường để xem xét, quyết định tuyển thí sinh vào học.

3. Hình thức tuyển sinh gồm:

a) Xét tuyển;

b) Thi tuyển;

c) Kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển.

4. Trường trung trung học nghề đã được cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp chỉ được tuyển sinh đào tạo chương trình trung học nghề theo hình thức thường xuyên khi đã tổ chức đào tạo chính quy cùng ngành, nghề, trình độ đào tạo; có báo cáo đăng ký đào tạo theo hình thức giáo dục thường xuyên (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này) và được Sở Giáo dục và Đào tạo nơi trường tổ chức đào tạo thống nhất bằng văn bản.

5. Trường trung cấp đã được cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp chỉ được tuyển sinh đào tạo trình độ trung cấp, trung học nghề theo hình thức thường xuyên khi đã tổ chức đào tạo chính quy cùng ngành, nghề, trình độ đào tạo; có báo cáo đăng ký đào tạo theo hình thức giáo dục thường xuyên (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này) và được Sở Giáo dục và Đào tạo nơi trường tổ chức đào tạo thống nhất bằng văn bản.

6. Trường cao đẳng đã được cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp chỉ được tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, trung học nghề theo hình thức thường xuyên khi đã tổ chức đào tạo chính quy cùng ngành, nghề, trình độ đào tạo;

có báo cáo đăng ký đào tạo theo hình thức thường xuyên (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này) và được Bộ Giáo dục và Đào tạo thống nhất bằng văn bản.

7. Cơ sở giáo dục đại học đã được cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp chỉ được tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, trung học nghề theo hình thức thường xuyên khi đã tổ chức đào tạo chính quy cùng ngành, nghề, trình độ đào tạo; có báo cáo đăng ký đào tạo theo hình thức thường xuyên (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này) và được Bộ Giáo dục và Đào tạo thống nhất bằng văn bản.

7. Trường hợp cơ sở đào tạo đã được cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp mà hợp tác với doanh nghiệp để đặt hàng đào tạo thì được phép tổ chức đào tạo khi có báo cáo đăng ký đào tạo theo hình thức thường xuyên (theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này) và được Bộ Giáo dục và Đào tạo (đối với cơ sở đào tạo) thống nhất bằng văn bản.

Điều 23. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

1. Căn cứ các quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, trung học nghề theo hình thức chính quy người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học quyết định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo hình thức thường xuyên một cách linh hoạt về thời gian, địa điểm, nhưng phải đảm bảo thực hiện nội dung của chương trình đào tạo và người học không phải học lại những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được.

2. Quy trình tổ chức đào tạo

a) Khi bắt đầu khóa học cơ sở đào tạo tổ chức kiểm tra xem xét, miễn giảm những môn học, mô đun, tín chỉ mà người học đã học xong, có kết quả điểm đạt yêu cầu trở lên hoặc số tín chỉ mà người học đã tích lũy được trước khi vào học.

Đầu khóa học, cơ sở đào tạo phải thông báo cho người học về chương trình đào tạo toàn khóa, đề cương chi tiết các môn học, hình thức học tập các môn học trong chương trình đào tạo; môn học, mô đun, chứng chỉ được miễn và kế hoạch học tập; kế hoạch kiểm tra, thi; các quy định khác của cơ sở đào tạo có liên quan đến khóa học. Căn cứ yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định phương thức tổ chức đào tạo đối với từng nội dung của các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo theo hình thức trực tuyến hay trực tiếp hay trực tuyến kết hợp với trực tiếp.

b) Trước khi học từng môn học, mô đun, nhà giáo trực tiếp giảng dạy thực hiện việc kiểm tra, đánh giá về kiến thức, kỹ năng của người học để chuẩn bị nội dung giảng dạy phù hợp.

c) Chỉ tổ chức giảng dạy những nội dung kiến thức, hướng dẫn thực hành kỹ năng nghề theo nội dung, yêu cầu của môn học, mô đun mà người học chưa biết, chưa làm được hoặc chưa biết kỹ, đầy đủ, chưa làm được thành thạo.

d) Kết thúc đợt học, kỳ học hoặc môn học, mô đun người học làm công việc của mình tại nơi ở, nơi làm việc và tự ôn, luyện nội dung kiến thức, thực hành kỹ năng nghề đã học để chuẩn bị kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô đun đã học.

3. Đánh giá, thi kết thúc môn học, mô đun

a) Điểm tổng hợp đánh giá môn học, mô đun trong chương trình đào tạo được thực hiện theo quy chế đào tạo chính quy theo hiện hành của cơ sở đào tạo đang thực hiện.

b) Điểm môn học, mô đun phải được ghi vào bảng điểm của toàn khoá học.

c) Đề thi kết thúc môn học, mô đun phải sử dụng đề thi chung với ngành tương ứng của hệ chính quy của cơ sở đào tạo đang thực hiện.

d) Hình thức thi kết thúc môn học, mô đun có thể là: thi viết, thi vấn đáp hoặc thực hành. Người đứng đầu cơ sở đào tạo căn cứ đặc điểm từng môn học để quy định hình thức thi thích hợp.

đ) Việc chấm thi viết, thi vấn đáp, chấm tiểu luận, bài tập lớn hoặc thực hành phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi.

e) Bảng điểm tổng hợp thi kết thúc môn học, mô đun phải có đủ chữ ký của hai giảng viên chấm thi, trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa ký duyệt, được làm thành ba bản lưu giữ tại đơn vị quản lý đào tạo của cơ sở đào tạo, văn phòng khoa, bộ môn.

g) Người học phải dự thi kết thúc môn học, mô đun theo lịch do cơ sở đào tạo quy định. Trong trường hợp, người học bỏ thi kết thúc môn học, mô đun không có lý do chính đáng bị nhận điểm 0 hoặc nếu người học ốm đau, đi công tác đột xuất hoặc vì những lý do đặc biệt khác phải có đơn đề nghị hoãn thi. Cơ sở đào tạo bố trí cho những người học này dự thi vào lần thi tiếp theo.

Điều 24. Kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp

1. Kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp trong đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, trung học nghề theo hình thức thường xuyên thực hiện theo quy định của hình thức chính quy.

2. Mẫu bằng cao đẳng, trung cấp, trung học nghề được in, cấp, phát, quản lý theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 25. Sổ sách, biểu mẫu quản lý đào tạo thường xuyên

Sổ sách, biểu mẫu quản lý đối với chương trình đào tạo thường xuyên gồm:

1. Chương trình đào tạo, giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 17 của Thông tư này.

2. Danh sách giảng viên, giáo viên, người dạy nghề (theo mẫu định dạng quy định tại Mẫu 3 ban hành kèm theo Thông tư này);

3. Kế hoạch đào tạo (theo mẫu định dạng quy định tại Mẫu 4 ban hành kèm theo Thông tư này);

4. Phiếu học viên (theo mẫu định dạng quy định tại Mẫu 5 ban hành kèm theo Thông tư này);

5. Sổ theo dõi kết quả học tập của học viên theo mẫu định dạng quy định tại Mẫu 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 26. Chế độ báo cáo, lưu trữ

1. Cơ sở đào tạo gửi báo cáo tổng hợp kết quả đào tạo thường xuyên 6 tháng đầu năm trước ngày 30 tháng 6 và báo cáo năm trước ngày 31 tháng 12 về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên) theo mẫu định dạng quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp kết quả thực hiện đào tạo thường xuyên trên địa bàn; các bộ, ngành tổng hợp kết quả thực hiện đào tạo thường xuyên đối với các cơ sở đào tạo trực thuộc (nếu có) 6 tháng đầu năm trước ngày 31 tháng 7 và báo cáo năm trước ngày 25 tháng 01 của năm liền kề báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên) theo mẫu định dạng quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Ngoài chế độ báo cáo được quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này, cơ sở đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về các hoạt động đào tạo thường xuyên và các vấn đề khác có liên quan theo quy định của pháp luật hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

4. Lưu trữ

a) Tài liệu liên quan đến công tác tuyển sinh theo hình thức thường xuyên phải được bảo quản an toàn trong kho lưu trữ. Người đứng đầu cơ sở đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc bảo quản tài liệu lưu trữ theo các quy định hiện hành;

b) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp cho người là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại cơ sở đào tạo;

c) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo thường xuyên được lưu trữ, bảo quản trong suốt quá trình đào tạo;

d) Việc tiêu hủy tài liệu liên quan tuyển sinh, đào tạo thường xuyên hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chương trình giáo dục, đào tạo theo hình thức thường xuyên đối với các cơ sở giáo dục; công tác quản lý nhà nước về giáo dục thường xuyên trên địa bàn theo quy định của Thông tư này.

Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân cấp tỉnh

1. Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục thường xuyên; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng nhân lực tại địa phương, trên địa bàn theo thẩm quyền.

2. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các chương trình giáo dục, đào tạo theo hình thức thường xuyên đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn theo quy định.

3. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý của mình, theo phân công và phân cấp của Chính phủ.

Điều 29. Trách nhiệm của Sở giáo dục và đào tạo

1. Chỉ đạo việc tổ chức thực chương trình giáo dục thường xuyên thuộc phạm vi quản lý.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục đủ điều kiện thực hiện chương trình giáo dục, đào tạo theo hình thức thường xuyên trên địa bàn.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở giáo dục xác nhận học bạ việc hoàn thành chương trình trung học cơ sở, cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông.

4. Chịu trách nhiệm kiểm tra, giải quyết vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư này tại địa phương.

5. Báo cáo kết quả tổ chức thực của các cơ sở trên địa bàn về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

Điều 30. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên, đào tạo theo hình thức thường xuyên

1. Quản lý, hướng dẫn giáo viên, nhân viên, học viên thực hiện và phổ biến đến cha mẹ học viên hoặc nơi làm việc của học viên về quy định của Thông tư này.

2. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông đảm bảo chất lượng, hiệu quả và thiết thực (nếu đủ điều kiện thực hiện); hằng năm rà soát các tiêu chuẩn và điều kiện thực hiện, có kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, tuyển dụng, bồi dưỡng giáo viên, mua sắm thiết bị dạy học đảm bảo theo quy định.

3. Báo cáo đăng ký đào tạo theo hình thức thường xuyên gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Thông tư này.

4. Tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, trung học nghề theo hình thức thường xuyên theo quy định của Thông tư này.

5. Tự kiểm tra nội bộ việc tuyển sinh, thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế đào tạo và các nhiệm vụ khác liên quan đến đào tạo thường xuyên; chịu sự kiểm tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

6. Thực hiện chế độ báo cáo theo hình thức thường xuyên theo quy định và theo các mẫu biểu tại phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 31. Xử lý vi phạm

1. Người tham gia công tác tuyển sinh, thí sinh dự tuyển trong kỳ tuyển sinh có hành vi vi phạm quy định này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy chế tuyển sinh cao đẳng, trung cấp, trung học nghề hệ chính quy hiện hành.

2. Người học sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả sẽ bị buộc thôi học. Nếu phát hiện sau khi cấp bằng thì người đứng đầu cơ sở đào tạo thu hồi, hủy bỏ bằng đã cấp đối với người vi phạm.

3. Công chức, viên chức, người lao động tham gia quản lý, giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá tại cơ sở đào tạo, nếu vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Cơ sở đào tạo nếu vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo các quy định hiện hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Thông tư này thay thế các quy định liên quan về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp trong Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học; thay thế các quy định liên quan về đào tạo thường xuyên trình độ cao đẳng, trung cấp trong Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về đào tạo thường xuyên sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp, Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 quy định về đào tạo thường xuyên, Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; việc in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học; các quy định về đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo hình thức từ xa, tự học có hướng dẫn trong Thông tư số 33/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn.

3. Các khóa đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo hình thức thường xuyên tuyển sinh, khai giảng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục tổ chức thực hiện theo các quy định trước đó cho đến khi kết thúc khóa đào tạo.

4. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, Vụ trưởng Vụ Giáo dục phổ thông, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, thủ trưởng cơ sở giáo dục, tổ chức và các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Văn hoá và Xã hội của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Cục KTVB&XLVPHC, Bộ Tư Pháp;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam;
- Như khoản 4 Điều 32;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng PLQG; CSDLQG về VBPL;
- Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục GDNNGDTEX.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quân

MẪU SỐ 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2026/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2026 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO**ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO THEO HÌNH THỨC THƯỜNG XUYÊN****A. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên cơ sở đào tạo:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:.....Fax:

.....

- Website:....., Email:

.....

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số:.....ngày, tháng, năm cấp:

B. NỘI DUNG

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ đào tạo chính quy trong 03 năm liên tục trước năm báo cáo, đăng ký tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức thường xuyên

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ đào tạo chính quy

TT	Tên ngành, nghề	Mã ngành, nghề	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh trong Giấy chứng nhận ĐKHKGDNN được cấp	Kết quả tuyển sinh trong 03 năm	Số HS/SV có việc làm/ số HS/SV đã tốt nghiệp (tính sau 3 tháng sau khi TN)
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						

8						
....						

2. Đăng ký tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo hình thức thường xuyên

TT	Tên ngành, nghề	Mã ngành, nghề	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh đăng ký	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
...					

3. Đối tượng tuyển sinh và cơ hội việc làm, cơ hội phát triển của người học sau khi tốt nghiệp

II. Các giải pháp đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo hình thức thường xuyên

- Về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý
- Về cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đào tạo
- Về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập
- Việc liên kết với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong tổ chức đào tạo

III. Cam kết của cơ sở đào tạo

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

MẪU SỐ 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2026/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN.....
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm 20...

**BÁO CÁO
ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO THEO HÌNH THỨC THƯỜNG XUYỀN**

A. Thông tin chung

- Tên cơ sở đào tạo:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:.....Fax:
- Website:....., Email:
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số:.....ngày, tháng, năm cấp:

B. Nội dung đăng ký tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo hình thức thường xuyên

1. Ngành nghề đăng ký đào tạo

TT	Tên ngành, nghề	Mã ngành, nghề	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh đăng ký	Doanh nghiệp phối hợp đặt hàng đào tạo	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
...						

(Có văn bản phối hợp, đặt hàng của doanh nghiệp trong việc tổ chức đào tạo kèm theo)

2. Đối tượng tuyển sinh và cơ hội việc làm, cơ hội phát triển của người học sau khi tốt nghiệp

3. Các giải pháp đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo hình thức thường xuyên

- Về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý
- Về cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đào tạo
- Về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập
- Việc liên kết với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong tổ chức đào tạo.

4. Cam kết của cơ sở đào tạo

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU 3
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIÁO VIÊN, NGƯỜI DẠY NGHỀ
(Ban hành kèm theo Thông tư số .../.../2026/TT-BGDĐT ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(Tên cơ sở đào tạo) **DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIÁO VIÊN, NGƯỜI DẠY NGHỀ**

TT	Họ tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, chức danh khoa học	Số năm, tháng đã làm việc, giảng dạy	Giảng dạy MĐ, MH	Đơn vị công tác

....., ngày tháng năm 20...
Hiệu trưởng/Giám đốc

MẪU 4**MẪU ĐỊNH DẠNG KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO**

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BGDĐT ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(Tên cơ sở đào tạo)

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Nghề đào tạo: Lớp/Khóa:

2. Đối tượng tuyển sinh:

3. Mục tiêu đào tạo:

3.1. Kiến thức, kỹ năng mềm:

.....

.....

3.2. Kỹ năng nghề:

.....

.....

3.3. Kỹ năng mềm:

.....

4. Thời gian khóa học: tháng (từ/...../..... đến/...../.....)

5. Thời gian thực học:ngày. 6. Ngày khai giảng:

7. Phân bổ thời gian đào tạo.

Số TT	MÔ-ĐUN/MÔN HỌC	THỜI GIAN ĐÀO TẠO (GIỜ)		
		Lý thuyết	Thực hành	Ôn, Kiểm tra
	Cộng			
	KIỂM TRA KẾT THÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			Từ ngày .../.../... đến.../.../...

8. Quy định kiểm tra kết thúc khóa học

BÀI TẬP KỸ NĂNG TỔNG HỢP	ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	GHI CHÚ
.....			

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ SỞ ĐÀO TẠO

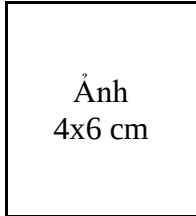
(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 5**MẪU ĐỊNH DẠNG PHIẾU HỌC VIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../.../2026/TT-BGDĐT ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

CQ QUẢN LÝ CẤP TRÊN.....

CSĐT:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****PHIẾU HỌC VIÊN**

(Số:)

I. THÔNG TIN VỀ HỌC VIÊN (Do học viên ghi)

1. Họ và tên khai sinh (chữ in hoa có dấu): Nam, Nữ
2. Sinh ngày: tháng: năm Số CMTND:
3. Nguyên quán: (xã/phường, huyện/thị xã, tỉnh/thành phố)
4. Hộ khẩu thường trú (xã/phường, huyện/thị xã, tỉnh/thành phố).....
.....
5. Dân tộc: Thuộc đối tượng (ghi cụ thể các đối tượng):
6. Nghề nghiệp, nơi làm việc hiện nay:
.....; Điện thoại:
7. Trình độ học lực (bậc cao nhất, đã tốt nghiệp: ĐH, CĐ, TC, THPT, THCS)
8. Khi cần, báo tin cho ai (họ, tên, địa chỉ):
.....; Điện thoại:

Tôi xin cam đoan những thông tin đã khai là đúng sự thật, nếu sai, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày tháng.....năm 20....

Người khai

(ký và ghi rõ họ tên)

II. THÔNG TIN VỀ NGHỀ HỌC (Do cơ sở đào tạo ghi)

1. Nghề đào tạo:
2. Thời gian khóa học:..... ngày thực học. Bắt đầu từ ngày tháng năm
Dự kiến thời gian kết thúc khóa học vào ngày tháng năm
3. Địa điểm đào tạo:
4. Chuẩn đầu ra (ghi cụ thể những kiến thức, kỹ năng, thái độ người học có được, làm được sau khóa học):

5. Dự kiến nơi làm việc sau khóa học:

..., ngày tháng.....năm 20....

Người đứng đầu cơ sở đào tạo
(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 6
MẪU ĐỊNH DẠNG SỔ THEO DÕI KẾT QUẢ HỌC TẬP
*((Ban hành kèm theo Thông tư số .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo
dục và Đào tạo))*

Trang bìa 1

Mẫu số 9 (Khổ 26x38,5)
Ban hành kèm theo Thông tư số....

(TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO)
.....

(Trang bìa)

SỔ THEO DÕI KẾT QUẢ HỌC TẬP

KẾT QUẢ HỌC TẬP
(Trang 1 đến 100)

Số TT	Họ và tên học viên	Phiếu học viên số	Kết quả học tập mô đun, môn học <i>(Điểm hoặc Đạt/Không đạt)</i>			Kết quả khóa học	Số bằng đào tạo	Ngày nhận bằng đào tạo	Chữ ký của học viên
			<i>(Tên mô</i>	<i>Tên mô</i>	<i>Tên mô</i>				

[illegible]